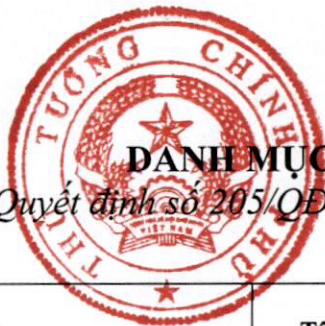




Phụ lục I
DANH MỤC LƯU VỰC SÔNG LIÊN QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
I	01							Thuộc LVS Bằng Giang - Kỳ Cùng			10.847	Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
1	01	01						Sông Bằng Giang	Trung Quốc	116	4.331	Cao Bằng, Thái Nguyên	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
2	01	02						Sông Kỳ Cùng	Trung Quốc	244	6.515	Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
3	01	01	03					Sông Dẻ Rào	Sông Bằng Giang	62	797	Cao Bằng	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
4	01	01	15					Sông Bắc Vọng	Sông Bằng Giang	79	894	Cao Bằng	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
5	01	02	29					Sông Trung Thành	Sông Kỳ Cùng	41	132	Lạng Sơn	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
II	02							Thuộc LVS Hồng - Thái Bình			88.860	Lào Cai, Tuyên Quang, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Thái Nguyên, Điện Biên, Phú Thọ, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hưng Yên, TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Ninh	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
6	02	02						Sông Hồng	Biển	551	63.783	Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Tuyên Quang, Lai Châu, Phú Thọ, Cao Bằng, Thái Nguyên,	Sông XBG Việt Nam-Trung Quốc; Tên khác: Dòng chính từ thượng nguồn đến Việt Trì là "Sông Thao"

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
												Bắc Ninh, Ninh Bình, TP. Hà Nội, Hưng Yên, TP. Hải Phòng	
7	02	02	01					Sông Lũng Pô	Sông Thao	38	138	Lào Cai, Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
8	02	02	63					Sông Đà	Sông Hồng	543	26.826	Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Phú Thọ, TP. Hà Nội	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
9	02	02	65					Sông Lô	Sông Hồng	283	22.540	Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ, Cao Bằng, Thái Nguyên	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
10	02	02	65	29				Sông Gâm	Sông Lô	222	9.526	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
11	02	02	65	29	04			Sông Nho Quế	Sông Gâm	74	1.949	Tuyên Quang, Cao Bằng	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
12	02	02	65	39				Sông Chảy	Sông Lô	303	4.527	Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
13	02	02	09					Nậm Thi	Sông Thao	9	465	Lào Cai	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
14	02	02	63	01				Suối Ta	Sông Đà	15	73	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
15	02	02	63	02				Nậm Là	Sông Đà	41	217	Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
16	02	02	63	26				Nậm Na	Sông Đà	90	2.199	Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
17	02	02	63	26	01			Nậm Cúm	Nậm Na	41	218	Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc, từ thượng lưu đến nhập lưu với suối Thèn Thầu Hồ tên gọi khác là Thèn Thêu Hồ

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
18	02	02	63	26	01	01		Suối Tả Páo Hồ	Nậm Cúm	23	93	Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc, tên khác: theo Quyết định số 1989/QĐ-TTg gọi là Thèn Thầu Hồ
19	02	02	63	26	01	01	01	Suối Tả Páo Sung	Suối Thèn Thầu Hồ	16	13	Lai Châu	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
20	02	02	63	27				Nậm Mực	Sông Đà	89	1.908	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Lào
21	02	02	63	27	02			Nậm Chim	Nậm Mực	93	341	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Lào
22	02	02	63	58	05			Suối So Lung	Suối Sập Việt	22	132	Sơn La	Sông XBG Việt Nam - Lào
23	02	02	65	03				Sông Miện	Sông Lô	69	993	Tuyên Quang	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
24	02	02	65	29	04	01		Suối Cốc Phùng	Sông Nho Quế	19	83	Cao Bằng	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
25	02	02	65	39	03			Suối Đỏ	Sông Chảy	25	125	Tuyên Quang	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
26	02	02	65	39	06			Suối Ma Lu	Sông Chảy	13	34	Lào Cai	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc; Tên khác: Suối Xanh
III	03							Thuộc LVS Mã			17.653	Điện Biên, Sơn La, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
27	03							Sông Mã	Biển	455	17.653	Điện Biên, Sơn La, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An	Sông XBG Việt Nam - Lào
28	03	58						Sông Chu	Sông Mã	159	2.985	Nghệ An, Thanh Hoá	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Nậm Sầm
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
29	03	03	01					Huổi Chèn	Huổi Hua	11	17	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Lào
30	03	32						Suối Xim	Sông Mã	28	183	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
31	03	44						Sông Luồng	Sông Mã	117	852	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Nậm Phun, Nậm Xang
32	03	44	01					Suối Tra Khót	Sông Luồng	16	30	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Huổi Bưng, Huổi Hoa
33	03	44	02					Suối Son	Sông Luồng	13	34	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào
34	03	44	03					Suối Xia	Sông Luồng	30	107	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Suối Xia Tóp, Huổi Hin Đăm, Huổi Sịa Nội
35	03	44	06					Suối Khiết	Sông Luồng	36	193	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Huổi Kiệt
36	03	45						Sông Lò	Sông Mã	58	487	Thanh Hóa	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Nậm Mò, Nậm Niêm
37	03	58	01					Nậm Hàn	Sông Chu	12	18	Nghệ An	Sông XBG Việt Nam-Lào
IV	04							Thuộc LVS Cả			17.900	Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
38	04							Sông Cả	Biển	418	17.900	Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá	Sông XBG Việt Nam-Lào; Tên khác: Sông Lam
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
39	04	01						Nậm Sổng	Sông Cả	16	31	Nghệ An	Sông XBG Việt Nam - Lào
40	04	15						Nậm Mò	Sông Cả	89	1.506	Nghệ An	Sông XBG Việt Nam - Lào
41	04	15	03					Nậm Cẩn	Nậm Mò	12	20	Nghệ An	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Huổi Lôi
VII	07							Thuộc LVS Đồng Nai			36.530	Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Lâm Đồng	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
42	07							Sông Đồng Nai	Biển	628	36.530	Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Lâm Đồng	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
43	07	51						Sông Bé	Sông Đồng Nai	385	7.502	Đồng Nai, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Đắc Glun, Sông Đa Tang Đình
44	07	51	12					Sông Đắc Huýt	Sông Bé	120	570	Lâm Đồng, Đồng Nai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Prek Đắc Huop, Sông Prek Đak Dang
45	07	61						Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	251	4.788	TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
46	07	62						Sông Vàm Cỏ	Sông Đồng Nai	251	5.918	Tây Ninh, Đồng Tháp	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Vàm Cỏ Đông
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
47	07	61	11					Sông Tha La	Sông Sài Gòn (tại Hồ Dầu Tiếng)	80	573	Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Tân Thiết
48	07	62	01					Suối Xa Mát	Sông Vàm Cỏ	30	192	Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Đà Ha
49	07	62	04					Sông Vàm Cỏ Tây	Sông Vàm Cỏ	179	1.051	Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
50	07	62	05					Rạch Bàu	Sông Vàm Cỏ	10		Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
51	07	PL13						Rạch Nàng Dinh	Sông Vàm Cỏ	12		Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
52	07	PL18						Rạch Long Khốt	Sông Vàm Cỏ Tây	28		Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
53	07	PL20						Rạch Rô	Sông Vàm Cỏ Tây	19		Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
VIII	08							Thuộc LVS Mê Công (Cửu Long)			75.257	Điện Biên, Quảng Trị, TP. Huế, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, Cà Mau	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
54	08	08						Sông Sê San (Mê Công)	Cam Pu Chia	245	11.510	Quảng Ngãi, Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Không Pơ Kô
55	08	11						Sông Ia H' Leo	Cam Pu Chia	149	4.712	Đắk Lắk, Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Ea Đrăng
56	08	13						Sông Srê Pôk (Mê Công)	Cam Pu Chia	371	18.230	Đắk Lắk, Lâm Đồng	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Đắk Krông
57	08	13	46					Sông Đắk Đăm	Sông Srê Pôk (Mê Công)	111	229	Lâm Đồng, Đắk Lắk	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Đắk Đăm, Sông Prêk Dak Đăm
58	08	14						Sông Tiền (dòng chính Sông Mê Công)	Biển	257		Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, Cà Mau	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Mê Công
59	08	14	PL06					Kênh Phước Xuyên	Kênh Dương Văn Dương	49		Đồng Tháp, Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Thông Bình
60	08	15						Sông Hậu	Biển	258		Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
61	08	01						Nậm Rốm	Lào	89	1.392	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Lào

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
62	08	01	08					Huổi Moi	Nậm Rốm	13	16	Điện Biên	Sông XBG Việt Nam - Lào
63	08	02						Sông Sê Păng Hiêng	Lào	37	195	Quảng Trị	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Sông Cù Bai
64	08	18						Suối Sá Mù	Lào	10		Quảng Trị	Sông XBG Việt Nam - Lào
65	08	03						Nậm Sê Xa Len	Lào	17	64	Quảng Trị	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Sông Sen
66	08	04						Nậm Sê Pôn	Lào	59	425	Quảng Trị	Sông XBG Việt Nam - Lào
67	08	05						Sông A Sáp	Lào	47	467	TP. Huế	Sông XBG Việt Nam - Lào
68	08	05	05					Sông A La	Sông A Sáp	34	134	TP. Huế	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Nậm Se Sai, Nậm Sê Sáp
69	08	06						Suối Đắc Pam	Lào	21	64	Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Lào
70	08	07						Sông Đắc Cai	Lào	12	48	Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Lào
71	08	07	01					Huổi Táp Trê	Sông Đắc Cai	17	28	Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Lào
72	08	08	34					Sông Sa Thầy	Sông Sê San	115	1.471	Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Đắc Hơ Drai
73	08	08	34	12				Suối Gia Pô	Sông Sa Thầy	13	48	Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
74	08	08	37					Sông Ia Krel	Sông Sê San	62	302	Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Ia Karel
75	08	19						Suối Đắc Xú	Lào	35		Quảng Ngãi	Sông XBG Việt Nam - Lào; Tên khác: Đắc Su
76	08	20						Suối Ia Tao	Cam Pu Chia	10		Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
77	08	09						Sông Ia Drang	Cam Pu Chia	103	986	Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Ia Drong, Ia Orang
78	08	10						Suối Ia Pah	Cam Pu Chia	13	72	Gia Lai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
79	08	12						Sông Đắc Ruê	Cam Pu Chia	48	337	Đắk Lắk	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
80	08	12	04					Sông Prêk Ruê	Sông Đăk Ruê	21	117	Đăk Lăk	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
81	08	14	PL1 8					Sông Sở Thượng	Sông Tiên	16		Đồng Tháp	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
82	08	14	PL1 9					Sông Sở Hạ	Sông Sở Thượng	42		Đồng Tháp	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
83	08	14	PL2 1					Sông Cái Cỏ	Kênh Phước Xuyên	31		Tây Ninh	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
84	08	15	PL4 1					Sông Bình Dị	Sông Hậu	11		An Giang	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Nhơn Hội, Sông Bình Di
85	08	15	PL4 2					Sông Phú Hội	Sông Hậu	27		An Giang	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia; Tên khác: Sông Châu Đốc
86	08	15	PL1 00					Sông Giang Thành	Biển	26		An Giang	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
87	08	16						Sông Đăk Jer Man	Cam Pu Chia	64	169	Đồng Nai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
88	08	17						Sông Chiu Riu	Cam Pu Chia	15	53	Đồng Nai	Sông XBG Việt Nam - Cam Pu Chia
IX	09							Thuộc LVS Tiên Yên			1.006	Lạng Sơn, Quảng Ninh	
a								Thuộc Danh mục LVS liên tỉnh					
89	09							Sông Tiên Yên	Biển	93	1.006	Lạng Sơn, Quảng Ninh	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
b								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh					
90	09	02						Sông Bắc Cương	Sông Tiên Yên	12	26	Quảng Ninh	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
X								Thuộc Danh mục LVS nội tỉnh độc lập					
91	32							Sông Quây Sơn	Trung Quốc	49	475	Cao Bằng	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
92	33							Suối Pò Nhùng (Na Hang)	Trung Quốc	27	236	Lạng Sơn	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc; Tên khác: Sông Na Hang

STT	Mã sông							Tên sông, suối	Chảy ra	Chiều dài* (km)	Diện tích lưu vực* (km ²)	Thuộc tỉnh, thành phố	Ghi chú
93	34							Sông Co Khuông	Trung Quốc	21	77	Lạng Sơn	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
94	35							Khuổi Thâu	Trung Quốc	13	35	Lạng Sơn	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc; Tên khác: Suối Pò Riêng
95	36							Sông Ka Long	Biển	77	75	Quảng Ninh	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc
96	36	PL01						Sông Bắc Luân	Sông Ka Long	16		Quảng Ninh	Sông XBG Việt Nam - Trung Quốc

Ghi chú: * Chiều dài và diện tích lưu vực thuộc lãnh thổ Việt Nam.

TP: Thành phố

LVS: Lưu vực sông

XBG: Xuyên biên giới.